

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /2026/ TT-BNV

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026

THÔNG TƯ**Hướng dẫn xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ**

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13 và Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp;

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Người có công,

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ theo quy định tại Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế, điểm a khoản 4 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước đóng

1. Người có công với cách mạng được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế.

2. Thân nhân của người có công với cách mạng, vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng khác hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng và cá nhân có liên quan theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng quy định tại điểm i, điểm k khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế được hưởng chế độ ưu đãi bao gồm:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sĩ (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sĩ;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của các đối tượng: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;

c) Con đẻ từ đủ 6 tuổi trở lên của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;

d) Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng khác hoặc vợ khác đang được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 16 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

3. Người phục vụ người có công với cách mạng sống ở gia đình, bao gồm:

a) Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

b) Người phục vụ: Thương binh (bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh); bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

4. Cựu chiến binh, gồm:

a) Cựu chiến binh tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 150/2006/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP.

b) Cựu chiến binh tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP, gồm:

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trong quân đội, công nhân và viên chức quốc phòng đã được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (sau đây gọi tắt là Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg);

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trong quân đội, công nhân và viên chức quốc phòng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 chuyển ngành về làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (không được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg).

5. Thanh niên xung phong được hưởng chế độ theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

6. Người đang sinh sống tại xã đảo, đặc khu theo Quyết định số 40/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận xã đảo và xã an toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Điều 3. Nguyên tắc lập danh sách

1. Mỗi người chỉ được xác lập 01 (một) thông tin đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.

2. Người thuộc nhiều đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này thì lập danh sách theo đối tượng có mức hưởng bảo hiểm y tế cao nhất.

3. Việc xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế phải căn cứ vào giấy tờ, hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Trước khi phê duyệt danh sách, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin của người tham gia trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư.

Điều 4. Thẩm quyền lập danh sách

1. Đối tượng đang sinh sống tại cộng đồng do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu lập danh sách (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Đối tượng quy định tại điểm e, điểm i và điểm k khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế đang được nuôi dưỡng thường xuyên trong Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công với cách mạng, cơ sở trợ giúp xã hội (sau đây gọi là Cơ sở nuôi dưỡng) do Cơ sở nuôi dưỡng lập.

Điều 5. Giấy tờ làm căn cứ xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

1. Người có công với cách mạng

Căn cứ một trong các giấy tờ sau:

- a) Quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Quyết định giải quyết chế độ của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh, thành phố;
- c) Quyết định điều chỉnh trợ cấp;
- d) Bản trích lục hồ sơ người có công;
- đ) Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng hoặc giấy chứng nhận đeo huân chương, huy chương;
- e) Huân chương Chiến công do làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo, làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia;
- g) Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng;
- h) Quyết định tặng thưởng Huân chương Chiến công do làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo, làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia;
- i) Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh trở lên.

2. Thân nhân của người có công với cách mạng, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ, vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng khác hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, người phục vụ người có công với cách mạng

Căn cứ một trong các giấy tờ sau:

- a) Quyết định giải quyết chế độ của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh, thành phố;
- b) Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ;
- c) Thân nhân người có công với cách mạng không hưởng trợ cấp hằng tháng, người phục vụ người có công thì căn cứ vào một trong các giấy tờ sau do cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Giấy xác nhận thân nhân người có công của cơ quan có thẩm quyền; Giấy xác nhận là người phục vụ người có công của cơ quan có thẩm quyền; Giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cựu chiến binh

Căn cứ văn bản xác nhận là cựu chiến binh theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP kèm theo một trong các giấy tờ sau:

a) Quyết định hưởng trợ cấp theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gồm Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg.

b) Một trong các giấy tờ thể hiện thời gian tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào: Lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, hồ sơ bảo hiểm xã hội, quyết định phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành.

4. Thanh niên xung phong

Căn cứ quyết định hưởng chế độ trợ cấp hoặc danh sách hưởng trợ cấp của cơ quan có thẩm quyền.

5. Người đang sinh sống tại xã đảo, đặc khu

Căn cứ danh sách được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và rà soát hằng năm.

6. Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này đang được nuôi dưỡng trong Cơ sở nuôi dưỡng công lập

Căn cứ giấy tờ xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

7. Trường hợp thông tin của đối tượng đã được cập nhật, xác thực trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công, cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia có kết nối, chia sẻ theo quy định thì được sử dụng dữ liệu điện tử để xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế mà không yêu cầu người có công xuất trình lại giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu.

Điều 6. Trình tự lập danh sách

1. Đối với đối tượng đang sinh sống tại cộng đồng:

a) Cá nhân lập tờ khai (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 188/2025/NĐ-CP), nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm y tế và các giấy tờ làm căn cứ xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế quy định tại Điều 5 Thông tư này để rà soát, thống kê, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 188/2025/NĐ-CP; Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách và chuyển dữ liệu điện tử theo quy định.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi danh sách đã được phê duyệt kèm theo dữ liệu điện tử cho cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở theo phân cấp để thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 11 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP.

2. Đối với đối tượng đang được nuôi dưỡng thường xuyên trong Cơ sở nuôi dưỡng công lập:

Cơ sở nuôi dưỡng căn cứ vào khoản 6 Điều 5 Thông tư này lập danh sách theo mẫu quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP (kèm theo dữ liệu điện tử) gửi cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở theo phân cấp để thực hiện việc cấp thẻ bảo hiểm y tế theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 11 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ khi phát sinh hoặc nhận được hồ sơ làm thay đổi đối tượng tham gia bảo hiểm y tế (tăng, giảm, thay đổi mức hưởng hoặc thông tin cá nhân), cơ quan lập danh sách có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh dữ liệu và gửi cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở theo quy định để kịp thời điều chỉnh, cấp mới hoặc đổi thẻ bảo hiểm y tế cho người tham gia.

Điều 7. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lập, quản lý danh sách

1. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác lập, phê duyệt, gửi, tiếp nhận và quản lý dữ liệu điện tử đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; thực hiện lập và quản lý danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên môi trường điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến.

2. Việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lập, quản lý danh sách thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 66 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, an toàn, hiệu quả và kết nối liên thông.

3. Dữ liệu điện tử về đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được kết nối, chia sẻ, đối soát với các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, bảo hiểm y tế và quy định của cơ quan có thẩm quyền về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập, phê duyệt, quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu điện tử danh sách tham gia bảo hiểm y tế có trách nhiệm tuân thủ nghiêm quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; tuyệt đối không được làm lộ, mất, sai lệch hoặc sử dụng dữ liệu cá nhân vào mục đích khác ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

1. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ:

Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trên địa bàn;

Rà soát, xác định đối tượng; phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội theo phân cấp đối chiếu, kiểm tra, bảo đảm xác định đúng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế;

Kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã:

Rà soát, xác định đối tượng, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của danh sách theo quy định tại Thông tư này;

Định kỳ hằng tháng rà soát, cập nhật biến động tăng, giảm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế và gửi danh sách, dữ liệu điện tử cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo phân cấp để thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế.

2. Cơ sở nuôi dưỡng

Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế tại cơ sở nuôi dưỡng theo quy định tại Thông tư này;

Định kỳ hằng tháng rà soát, cập nhật biến động tăng, giảm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế và gửi danh sách, dữ liệu điện tử cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo phân cấp để thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ trong hệ thống cơ quan bảo hiểm xã hội về việc tiếp nhận danh sách, dữ liệu điện tử và thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng theo quy định;

Chỉ đạo cơ quan bảo hiểm xã hội theo phân cấp phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đối chiếu, kiểm tra thông tin và thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Danh sách, hồ sơ quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế đã được lập, phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục có giá trị sử dụng để cấp thẻ bảo hiểm y tế.

2. Cơ quan có thẩm quyền quản lý đối tượng, cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan không được yêu cầu người tham gia bảo hiểm y tế hoặc cơ sở lập danh sách thực hiện lại thủ tục lập, phê duyệt lại hồ sơ đối với các trường hợp đang trong thời hạn thụ hưởng chính sách, trừ các trường hợp có sự thay đổi về thông tin nhân thân, mức hưởng hoặc dừng tham gia theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các hồ sơ, danh sách đối tượng đã được tiếp nhận, đang trong quá trình giải quyết hoặc phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì

tiếp tục áp dụng quy định của Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH để hoàn tất việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người tham gia.

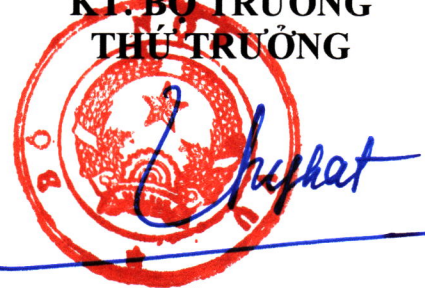
Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.
2. Bãi bỏ Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.
3. Các giấy tờ, hồ sơ quy định bởi các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì được áp dụng thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, CNCC (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hà